

ĐẶC TRƯNG CỦA NỀN NÔNG NGHIỆP MỚI TRONG BỐI CẢNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC, TOÀN CẦU HÓA

TS. Vũ Trọng Bình

Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế đòi hỏi xây dựng một nền nông nghiệp mới, đảm bảo những chức năng mới của nông nghiệp trong tương lai. Nền nông nghiệp mới cần có những công nghệ thích hợp và hiện đại, thân thiện với môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững và có tính cạnh tranh cao. Chủ thể của nền nông nghiệp đó, gồm doanh nghiệp, thương nhân và nông dân, nhưng nông dân vẫn là cái gốc, họ sẽ là chủ nhân của các trang trại, doanh nghiệp nhỏ trong nông nghiệp, là chủ thể trên đồng ruộng chứ không phải là người làm thuê. Để đảm bảo cạnh tranh, qui mô lớn trong sản xuất và thương mại, cần có liên kết mạnh mẽ giữa các tác nhân trong ngành nông nghiệp, giữa nông dân và các tác nhân trong chuỗi ngành hàng theo chiều dọc và liên kết theo chiều ngang (theo ngành nghề và cả theo vùng sản xuất). Cần có sự ổn định về qui hoạch và sử dụng đất đai ở nông thôn, ven đô thị, có sự kết nối nông nghiệp với công nghiệp, giữa đô thị và nông thôn thông qua các luồng hàng nông nghiệp. Mỗi vùng cần có một sự đặc trưng về nông nghiệp theo lợi thế vùng, đảm bảo tính nhân văn và xã hội, nông nghiệp là công cụ để kiếm sống của người dân chứ không chỉ lợi nhuận. Để đảm bảo xây dựng một nền nông nghiệp trong tương lai, cần có sự cải cách sâu rộng, chiến lược nghiên cứu cả về công nghệ, qui hoạch không gian, tổ chức sản xuất, ngành hàng, chính sách...

Từ khóa: Nông nghiệp mới, công nghệ, liên kết, môi trường, nông dân, nhân văn

1. Đặt vấn đề

Từ khi đổi mới kinh tế, nông nghiệp đã có sự phát triển mạnh mẽ với các giai đoạn phục hồi sản xuất, tiến tới chuyên môn hóa sản xuất và hình thành các chuỗi ngành hàng trong nước và xuất khẩu. Quá trình phát triển nông nghiệp, trong giai đoạn vừa qua, dựa trên chủ trương tăng nhanh về số lượng, chưa thực sự quan tâm đến các yếu tố bảo vệ môi trường, chất lượng sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng, xây dựng thương hiệu sản phẩm Việt Nam. Bối cảnh mới của phát triển đất nước, quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa đã tạo cơ hội cũng như thách thức đối với phát triển nông nghiệp về nguồn lực, lao động, đất đai, thị trường. Nông nghiệp, nhiều nơi đã phát triển đến mức giới hạn rủi ro về sinh thái, môi trường và cả xã hội. Hội nhập quốc tế, với sự cạnh tranh và hàng rào kỹ thuật trong xuất khẩu, đòi hỏi cần có sự liên kết chặt chẽ hơn giữa các tác nhân trong ngành hàng để giảm rủi ro, giảm chi phí giao dịch, tăng tính cạnh tranh, tạo thêm nhiều giá trị gia tăng. Sự phát triển nông nghiệp, cũng cho thấy nông dân nghèo, qui mô nhỏ, nếu không có sự hỗ trợ của Nhà nước, ngày càng bị gạt ra khỏi quá trình phát triển, trở nên bản cùng hóa. Nhận thức được điều này, Nghị quyết 26 khóa X của

Đảng đã nêu rõ sự cần thiết xây dựng một nền nông nghiệp mới, hiện đại phù hợp với bối cảnh mới của đất nước, phù hợp những thách thức của thời đại cả về kinh tế, xã hội và môi trường trong quá trình toàn cầu hóa, có những sứ mệnh phục vụ phát triển kinh tế, xã hội trong công cuộc hiện đại hóa đất nước. Nông nghiệp mới đảm bảo được chức năng là nơi cơ hội tạo sinh kế, công ăn việc làm cho hàng triệu nông dân, doanh nghiệp, thương nhân, giữ an ninh lương thực và cung cấp thực phẩm cho xã hội, là lĩnh vực kinh tế quan trọng có tính cạnh tranh cao trong nền kinh tế quốc dân, bảo vệ sinh thái, môi trường, văn hóa bản địa. Vậy, những đặc trưng cơ bản của một nền nông nghiệp mới mà chúng ta mong muốn xây dựng là gì, là câu hỏi nhiều nhà quản lý và khoa học trả lời, cần nghiên cứu.

2. Một số đặc trưng về nền nông nghiệp mới, cần có chiến lược phát triển

Trong khuôn khổ bài viết có hạn, tác giả tổng kết các kinh nghiệm quốc tế, những lý luận trong phát triển nông nghiệp của các nước và thực tiễn ở Việt Nam để nêu lên một số đặc trưng cơ bản của một nền nông nghiệp mà Việt Nam cần xây dựng hiện nay, trong quá trình hiện đại hóa và công nghiệp hóa đất nước.

Là một nền nông nghiệp sinh thái bền vững, thân thiện môi trường, trên cơ sở qui hoạch cân đối trong không gian, hài hòa và bền vững về sinh học, kiểm soát được ô nhiễm môi trường, đảm bảo được sự bền vững độ phì của đất, kiểm soát được xói mòn, phát triển bền vững rừng sản xuất và giữ được rừng đặc dụng, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nước, khí thải carbon thấp, giữ được đa dạng sinh học. Sản xuất dựa trên công nghệ nông nghiệp sinh thái, thân thiện môi trường từ giống, qui trình canh tác... Những kĩ thuật canh tác này, sẽ là tiêu chí cơ bản để xây dựng chính sách ưu tiên, hỗ trợ, quản lí sản xuất sinh thái. Đồng thời cũng là cơ sở xây dựng các chứng chỉ phục vụ thương mại nhất là xuất khẩu. Cần có những qui định kiểm soát, cấp chứng chỉ thân thiện môi trường trong sản xuất, sử dụng trong kinh doanh giao dịch, tổ chức sản xuất, hỗ trợ xây dựng thương hiệu với sản phẩm nông nghiệp. Đây cũng là những điều kiện mà thị trường các nước phát triển đang yêu cầu ngày càng nhiều. Nông nghiệp mới, cần có khả năng thích ứng cao với sự thay đổi khí hậu thông qua sự thay đổi hệ thống canh tác, tổ chức sản xuất để từ bất lợi thành lợi thế; kiểm soát được dịch bệnh qua con đường sinh học, sản xuất tiết kiệm năng lượng...

Là một nền nông nghiệp có tính liên kết mạnh giữa các vùng sản xuất nông nghiệp trong những ngành hàng liên vùng, giữa nông nghiệp và công nghiệp, dịch vụ, giữa nông dân với nhau để tăng qui mô sản xuất kinh doanh, giảm chí phí giao dịch, tăng cạnh tranh, quản lí chất lượng sản phẩm. Sự liên kết, xây dựng hành động tập thể phải tổ chức cả trong không gian (cánh đồng mẫu lớn và trang trại thuộc sở hữu nhiều chủ, nhưng cùng qui trình, kế hoạch sản xuất, quản lí chất lượng,...). Nhà nước cần ưu tiên, khuyến khích hình thành và phát triển các yếu tố liên kết trong sản xuất như liên kết không gian sản xuất, quản lí chất lượng, cùng đầu tư, quản lí và phát triển thương hiệu chung, bảo hiểm. Các nghiên cứu kinh tế, kĩ thuật, chính sách cần thúc đẩy liên kết công tư (PPP) giữa nông dân và doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp trong nước và tập đoàn đa quốc gia, để đảm bảo cho quá trình liên kết này sẽ giúp đưa KHCN mới vào sản xuất, công nghệ hiện đại trong quản lí, thương mại kết nối bền vững với thị trường quốc tế, trong nước. Sự liên kết, hay nói riêng liên kết công tư (PPP), cần nghiên cứu, thử nghiệm để đảm bảo tính chủ thể của nông dân, giá trị gia tăng nông nghiệp để lại Việt Nam cao hơn nữa, tạo thêm công ăn việc làm, bền vững hơn về môi trường, quản lí chất lượng sản phẩm tốt hơn đạt tiêu chuẩn cao của thế giới. Cũng cần thận trọng, vì quá trình liên kết, nếu không nghiên cứu mô hình

tốt, nông dân và doanh nghiệp trong nước sẽ phụ thuộc hoàn toàn vào các tập đoàn đa quốc gia nước ngoài.

Là một nền nông nghiệp có công nghệ thích hợp hiệu quả với sự quản lí chuyên nghiệp hiện đại, cạnh tranh cao. Một nền nông nghiệp hiện đại, chuyên nghiệp và hiệu quả phải có giá trị gia tăng cao nhất trong một điều kiện thị trường, môi trường, kinh tế- xã hội cho phép. Do đó, không nhất thiết phải có công nghệ cao nhất, nhưng phải có công nghệ thích hợp và hiệu quả, có sự quản lí chuyên nghiệp và hiện đại về tài chính, chất lượng, bảo hiểm, thương hiệu, môi trường. Các nghiên cứu qui trình công nghệ nông nghiệp cần được thử nghiệm ở các vùng khác nhau, các đối tượng sản xuất khác nhau, từ đó so sánh các yếu tố sinh thái, môi trường, chi phí lao động, hiệu quả, rủi ro... để làm cơ sở khuyến cáo nhà sản xuất nông nghiệp. Công nghệ trong sản xuất, phải được đặt vấn đề nghiên cứu từ thị trường và điều kiện sản xuất, cần có các nghiên cứu thị trường định hướng cho xác định chủ đề nghiên cứu công nghệ. Nông nghiệp hiện nay đã bắt đầu chuyên môn hóa mạnh, nhưng ít tính chuyên nghiệp. Một trang trại hàng trăm ha, hoặc hàng vạn gia cầm quản lí cũng không khác gì hộ qui mô nhỏ. Để tăng tính chuyên nghiệp, cần có những nghiên cứu đa ngành cùng một lúc, trên cùng đối tượng ở một vùng để thử nghiệm mô hình sản xuất mới cả về kinh tế, kĩ thuật, chính sách. Trên cơ sở đó, xây dựng chính sách để dần dần gắn điều kiện quản lí chất lượng, bảo hiểm, quản lí dịch bệnh, bảo hiểm... tăng dần theo qui mô sản xuất. Tiến dần tới cấp phép sản xuất, gắn với yêu cầu quản lí trang trại, tiến tới đảm bảo toàn bộ sản xuất nông nghiệp qui mô trang trại gia đình được cấp phép trên cơ sở yêu cầu về quản lí chuyên nghiệp, hiện đại.

Là nền nông nghiệp mà nông dân là chủ thể cùng doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, toàn chuỗi ngành hàng nông sản. Hiện nay, nhiều vùng sản xuất qui mô lớn như chăn nuôi, thủy sản, cà phê... nông dân thực sự ít vị thế so với doanh nghiệp trong chuỗi ngành hàng. Hiện nay, cộng đồng dân cư nông thôn truyền thống tương đối đồng nhất, đang dần dần trở thành các cộng đồng nghề nghiệp sản xuất nông nghiệp hàng hóa qui mô lớn hoặc phi nông nghiệp (chăn nuôi, trồng trọt, nghề phụ, thủy sản, công nhân khu CN...), có đặc điểm về lợi ích, xã hội, kinh tế khác nhau, đôi khi mâu thuẫn. Quá trình xây dựng nền nông nghiệp mới, chỉ thành công khi gắn với quá trình tổ chức hợp lí các cộng đồng nghề nghiệp nông nghiệp trong nông thôn, đảm bảo sự hợp tác hiệu quả giữa các cộng đồng thông qua các tổ chức của họ, giúp họ có tính

độc lập, tổ chức, vị thế trong đàm phán, liên kết với doanh nghiệp. Các nghiên cứu, lí luận, thực nghiệm về vấn đề này ở Việt Nam còn rất ít, cần đẩy mạnh. Hơn nữa, đây là một việc rất quan trọng vì nếu một nền nông nghiệp hiện đại, mà nông dân bị bần cùng hóa như xảy ra ở nhiều nước Châu Phi, Mỹ La Tinh thì chúng ta sẽ không giải quyết được vấn đề nông dân. Nhà nước từng bước hỗ trợ phát triển những hộ sản xuất gia đình qui mô lớn, chuyên nghiệp, có sự liên kết mạnh trong sản xuất, quản lí chất lượng đầu tư chế biến, quản lí thương hiệu, đàm phán thương mại. Phải hình thành những tổ chức đại diện thực sự cho nông dân theo ngành nghề mang tính liên tỉnh, liên vùng để tăng tính liên kết. Nhất là những ngành hàng có sự cạnh tranh cao trên thị trường trong và ngoài nước như cà phê, cao su, điều, thủy sản... Cần phát triển các HTX trang trại nông dân thủy sản, cà phê, phát triển hiệp hội liên vùng các trang trại cà phê, thủy sản,... xây dựng pháp lí cho phát triển nghiệp đoàn toàn quốc của nông dân cà phê, thủy sản... để làm cơ sở cho liên kết sản xuất, tiếp cận thị trường và cũng giúp cho quản lí Nhà nước hiệu quả hơn. Do vậy, bên cạnh các loại hình sản xuất nông nghiệp khác, cần nghiên cứu, ban hành chính sách ưu tiên, hỗ trợ sản xuất trực canh¹ gắn với nông dân, tạo việc làm cho hộ gia đình phải là chính sách ưu tiên trong sử dụng đất đai, đầu tư trong nông nghiệp, đặc biệt là những vùng công nghiệp và dịch vụ kém phát triển, cư dân nông thôn thiếu việc làm. Doanh nghiệp nên được khuyến khích đầu tư vào những lĩnh vực công nghệ cao, chế biến, lưu trữ... nhưng cần có qui hoạch và kiểm soát để khỏi lấn sân nông dân, chiếm đất đai, thị trường của nông dân.

Là một nền nông nghiệp có qui hoạch ổn định, lâu dài ở cấp độ quốc gia có tính liên vùng, tránh sự chia cắt bởi không gian hành chính, trong từng vùng, đến tận xã, thôn bản, nhất là ven đô thị. Cần nghiên cứu về điều kiện kinh tế-xã hội, môi trường, sản xuất, thị trường để hoạch định chiến lược phát triển nông nghiệp từng vùng, trên cơ sở đó qui hoạch ổn định sử dụng đất cho nông nghiệp lâu dài. Qui hoạch nên làm rõ vùng sản xuất nông nghiệp lâu dài (vùng lõi) để giao như tài sản tư nhân cho hộ gia đình nông dân để họ yên tâm đầu tư, vùng qui hoạch có thể thay đổi thành đất phi nông nghiệp, tùy tình hình qui hoạch sử dụng đất mà có thể giao 20 đến 50 năm hoặc 100 năm, hay vô thời hạn. Qui hoạch ổn định lâu dài, sẽ đảm bảo cho sự tách bạch về thị trường đất đai đô thị, công nghiệp,... với đất nông nghiệp. Sự tách bạch này, nếu được luật hóa, sẽ kéo đất nông nghiệp giảm giá, chống đầu cơ đất nông nghiệp làm đô thị, nông dân sản xuất trực canh thực sự mới có cơ hội tiếp cận, tích tụ đất đai để sản

xuất nông nghiệp. Sự dịch chuyển liên tục vành đai đô thị theo kiểu làn sóng hiện nay, không theo kiểu mạng lưới xen vùng nông nghiệp, đã làm cho một vành đai nông nghiệp thoái hóa, cách tâm đô thị lớn tới hàng trăm km, ở đó sản xuất nông nghiệp cầm chừng, đất đai tích tụ để đầu cơ. Nghiên cứu cơ chế chính sách để nông dân phải được sở hữu và thừa kế, chuyển nhượng, để sản xuất theo qui hoạch. Những ai không là nông dân, không được sở hữu tư nhân đất nông nghiệp trong qui hoạch cho nông dân, bắt buộc phải bán lại cho nông dân, hoặc cho nông dân thuê dài hạn. Đảm bảo thực sự đất nông nghiệp là để làm nông nghiệp, và là công cụ sản xuất thực sự của nông dân. Những khu đất, qui hoạch kêu gọi doanh nghiệp đầu tư, cần qui định những điều kiện đầu tư như công nghệ, môi trường, hiệu quả sản xuất, quản lí chất lượng phải hơn nông dân, và được đấu thầu rộng rãi sau đó mới giao đất. Tránh hiện tượng doanh nghiệp đầu tư, nông dân mất sinh kế, mà hiệu quả đầu tư cũng không hơn nông dân. Sự ổn định qui hoạch, không những về sản xuất mà cả mạng lưới nhà máy chế biến, đại lí thương mại dịch vụ... sẽ làm nền tảng pháp lí để cấp giấy phép cho sản xuất, chế biến, dịch vụ đầu vào, đầu ra... theo qui hoạch, những ai làm sai những qui định nhà nước, có thể thu hồi giấy phép sản xuất, chế biến, dịch vụ cho nông nghiệp để đem đấu giá. Có như vậy, chúng ta mới tạo sự an toàn trong đầu tư nông nghiệp, các nhà đầu tư mới vào và mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp mới thực hiện được.

Là một nền nông nghiệp, có những vùng định hướng xuất khẩu, trên cơ sở thế mạnh từng vùng, từng ngành hàng, xây dựng sản phẩm chiến lược. Cần có những thông tin nghiên cứu nghiêm túc về thị trường, phát triển thị trường, tổ chức ngành hàng của các thị trường xuất khẩu Việt Nam, để xây dựng chiến lược với từng thị trường. Xuất khẩu Việt Nam hiện nay, chủ yếu là xuất thô, bán buôn, chứ ít có chế biến tinh và đóng gói phân phối có thương hiệu trên các mạng lưới nước ngoài như Thái Lan, và các nước phát triển. Do đó, cần khuyến khích doanh nghiệp liên kết, xây dựng sản phẩm chế biến mới, đóng gói với thương hiệu của mình, từng bước thâm nhập thị trường phân phối nước ngoài. Để định hướng xuất khẩu, từ yêu cầu thị trường, cần qui hoạch vùng, quản lí sản xuất, quản lí chất lượng theo chuỗi, xây dựng sản phẩm chế biến mới, xây dựng thương hiệu, quảng bá thương hiệu ở nước ngoài. Tạo ra chuỗi ngành hàng nông nghiệp Việt Nam, từ trang trại trong nước, đến siêu thị, bàn ăn của người dân nơi chúng ta xuất khẩu hàng hóa. Làm được như vậy, xuất khẩu sẽ bền vững hơn, được nhiều giá trị gia tăng hơn.

Là một nền nông nghiệp có tính nhân văn, văn hóa, xã hội cao nhất là ở các vùng miền núi, dân tộc, truyền thống nông nghiệp. Nền nông nghiệp, trong quá trình phát triển của mình, ở những vùng cơ hội việc làm trong công nghiệp và dịch vụ chưa có hoặc ít, thì việc tích tụ ruộng đất quá nhanh mang tính cơ học, sẽ tước đoạt cơ hội việc làm của người dân. Đầu tư nông nghiệp vùng núi có thể tạo ra giá trị gia tăng cao hơn, nhưng có thể làm phá vỡ không gian sinh tồn, không gian văn hóa và sản xuất, làm bản cùng hóa đồng bào dân tộc. Nông nghiệp, những vùng núi cao, biên giới phải là không gian văn hóa, tâm linh, sinh kế của đồng bào dân tộc, vùng sản xuất gắn với an ninh quốc phòng. Nhà nước cần có chính sách, phát triển vùng nông nghiệp nhân văn, ở đó những giá trị xã hội, nhân văn được đề cao, Nhà nước bằng chính sách của mình để làm cho sản phẩm vùng đó vẫn có thể cạnh tranh trên thị trường thông qua các ngành hàng thương mại công bằng, tự nhiên, hữu cơ, bản địa. Do vậy, nghiên cứu xây dựng một nền nông nghiệp ở những vùng này, ngoài yếu tố hiệu quả, cạnh tranh thì yếu tố xã hội cần được quan tâm.

3. Kết luận

Những đặc trưng của một nền nông nghiệp mới là nội hàm của nền nông nghiệp trong tương lai, đảm bảo cho nền nông nghiệp Việt Nam phát triển bền

vững, cạnh tranh cả về kinh tế, xã hội, sinh thái. Quá trình chuyển tiếp từ một nền nông nghiệp ít quản lý và điều phối, phát triển theo số lượng, sang một nền nông nghiệp phát triển bền vững đòi hỏi có những cơ chế, chính sách thúc đẩy, ưu tiên sự hình thành những yếu tố của nền nông nghiệp mới ở qui mô hộ gia đình, vùng, lãnh thổ và theo chuỗi ngành hàng. Hệ thống dịch vụ công trong nông nghiệp và nông thôn cũng phải thay đổi toàn diện, đảm bảo hỗ trợ tích cực cho quá trình phát triển này. Sự phát triển nền nông nghiệp mới cần sự đồng bộ hài hòa đồng thời trên các vùng, lĩnh vực về áp dụng các công nghệ, công cụ kỹ thuật thích hợp, hiệu quả, áp dụng những cơ chế chính sách hợp lý có tính ưu tiên, xây dựng các mô hình thể chế hiệu quả. Những đặc trưng này định hướng cho các nhà nghiên cứu xây dựng chính sách, thử nghiệm mô hình thực địa và các địa phương, ngành làm cơ sở xây dựng chiến lược phát triển nông nghiệp và các cơ chế chính sách của mình. Đặc điểm sinh thái và kinh tế xã hội, mức độ phát triển khác nhau ở các vùng miền, đòi hỏi có sự đa dạng về tiếp cận phát triển nông nghiệp mới. Về chính sách, có chính sách quốc gia, nhưng cần xây dựng chính sách vùng, tránh hiện tượng cùng một vùng mà các tỉnh có chính sách khác nhau. □

1. Trục canh: người chủ đất, cùng là người chủ trực tiếp thực hiện hoạt động sản xuất nông nghiệp trên mảnh đất đó.

Tài liệu tham khảo:

1. Vũ Trọng Bình và cs, 2007: Cơ sở khoa học phát triển nông thôn. Đề tài trọng điểm cấp Bộ.
2. Vũ Trọng Bình, Hoàng Vũ Quang, 2009: Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế đến nông thôn Việt Nam. Tài liệu phục vụ Quốc hội và Chính phủ.
3. Vũ Trọng Bình và cs, 2011: Đánh giá ảnh hưởng về phát triển kinh tế, tổ chức sản xuất và nghèo đói của Chương trình phát triển nông thôn mới của Ban bí thư trên 11 xã điểm xây dựng nông thôn mới.
4. Bộ NN và PTNT, 2008: Đề án nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
5. Paule Moustier, Phan Thi Giac Tam, Dao The Anh, Vu Trong Binh and Nguyen Thi Tan Loc, 2010. The role of farmer organizations in supplying supermarkets with quality food in Vietnam. Food Policy, Volume 35, Issue 1, February 2010, Pages 69-78.
6. Muriel Figuié, Paule Moustier, 2009. Market appeal in an emerging economy: supermarkets and poor consumers in Vietnam. Food Policy, Volume 34, Issue 2, April 2009, Pages 210-217.
7. DARRE J.P., 1996: Invention des pratiques dans l'agriculture. Edition de Karthala de Paris.
8. DELGADO Ch. L. & SIAMWALLA A., 1997. Rural economy and Farm income diversification in developing countries. Plenary session of the XXIII International conference of agricultural economists, Sacramento, CA, U.S.A. 19 p.
9. Bosc, P.M., Eychenne, R., Hussein, K., Losch, B., Mercoiret, M.R., Rondot, P., Macintosh-Walker, S. 2001. The role of rural producer organizations in the World Bank rural development strategy. London, Montpellier, DFID/CIRAD/ODI.
10. Hoff, K., Braverman, A. and Stiglitz, J.E. 1993. The economics of rural organization: Theory, Practice, and Policy. Published for the World Bank by Oxford University Press.